

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: Tăng-già-bạt-đà-la - Việt dịch: Tỳ kheo Tâm-Hạnh

Quyển thứ mười

-ooOoo-

Ra dẫu bảo lấy có năm: Thứ nhất là bằng mắt, tiếp theo là bằng tay, bằng chân, lấc đầu, cử động thân thể là những biểu hiện để ra dấu bảo lấy trộm thì phạm hay không phạm như đã nói ở trước.

Bảo lấy vật nào mà lấy đúng vật ấy thì phạm tội trọng. Bảo lấy vật này mà lấy vật khác, người bảo bị tội nhỏ, người lấy bị tội trọng.

Có nhiều Tỳ kheo, một thầy và ba đệ tử. Đệ tử thứ nhất tên Phật-Đà-Lặc-Khí-Đa, thứ hai tên Đàm-Ma-Lặc-Khí-Đa, thứ ba tên Tăng-Già-Lặc-Khí-Đa. Thấy vật của người, thầy có ý trộm nên bảo Phật-Đà-Lặc-Khí-Đa rằng ông bảo Đàm-Ma-Lặc-Khí-Đa nói với Tăng-Già-Lặc-Khí-Đa đi lấy vật kia.

Khi thầy bảo đệ tử thứ nhất đi lấy thì phạm Đột-cát-la. Khi Đàm-Ma-Lặc-Khí-Đa nói và Tăng-Già-Lặc-Khí-Đa vâng lời thì thầy phạm Thu-lan-dá. Nếu họ đi lấy vật rời khỏi chỗ cũ thì cả bốn thầy trò đều phạm tội trọng.

Pháp sư nói rằng chẳng những cả bốn đều phạm tội trọng mà cho đến cả trăm ngàn người bảo chuyển nhau thì cũng bị tội như vậy.

Bảo người khác như vị thầy bảo Phật-Đà-Lặc-Khí-Đa rằng ông hãy đi nói với Đàm-Ma-Lặc-Khí-Đa bảo ông ấy nói với Tăng-Già-Lặc-Khí-Đa rằng hãy đi lấy vật ấy.

Phật-Đà-Lặc-Khí-Đa gặp Đàm-Ma-Lặc-Khí-Đa mà không nói, hay không thấy, lại đi gặp Tăng-Già-Lặc-Khí-Đa và bảo rằng ông hãy đi lấy vật.

Nếu vật rời khỏi chỗ cũ, thầy phạm Đột-cát-la; Đàm-Ma-Lặc-Khí-Đa vô tội, người thứ nhất và thứ ba phạm tội trọng.

Đã đi rồi trở lại vì thấy có người giữ, không lấy được vật nên Tăng-Già-Lặc-Khí-Đa trở lại báo với thầy.

Thầy bảo rằng hãy tìm cách lấy dùng bỏ qua.

Thầy phạm Đột-cát-la.

Sau đó, nếu lấy được vật, thầy và đệ tử đều phạm tội trọng. Nếu thầy bảo đệ tử lấy và việc này đã chắc chắn như ném vật lên không, phải rơi xuống đất. Nói xong, thầy phạm Ba-la-dy.

Nếu với tâm trộm, thầy bảo đệ tử lấy trộm, sau đó một, hai, ba... cho đến sáu năm, thầy chết hoặc hoàn tục thì không phạm tội mà người lấy bị tội.

Sau khi thầy bảo trộm, đến ba năm sau mà đệ tử vẫn chưa lấy. Đệ tử bị bệnh điên nhưng thầy không biết. Sau đó, thầy hỏi hận bảo đệ tử đừng lấy nữa nhưng vì điên không nghe nên đệ tử vẫn theo lời dạy cũ lấy vật ra khỏi chỗ cũ. Thầy và trò đều phạm tội trọng. Nếu đệ tử không điên, bảo rằng lãnh thay, không lấy. Thầy và trò đều không phạm tội trọng mà phạm Đột-cát-la. Hết phần bảo lấy (Ànattika nitthita)

Giới trộm trong hiện tại có năm yếu tố (Pancaakàra) theo trong luật bản nói là:

- 1- Vật của người khác (parapariggahita)
- 2- Tường vật của người (parapariggahitasanni)
- 3- Vật có giá trị (parikkhàrassa garukabhàva)
- 4- Có tâm trộm (theyyacitta)
- 5- Lấy khỏi chỗ cũ (thànàcàvana)

Nếu phạm điều thứ nhất, thứ hai thì không phạm tội trọng; phạm cả hai thì bị Thu-lan-dá và Đột-cát-la.

Sáu việc là chẳng phải tướng của mình, chẳng phải tướng của người thân, chẳng phải tướng dùng tạm, vật có giá trị, với tâm trộm, lấy vật khỏi chỗ cũ.

Không có chủ nghĩa là không phải có người khác giữ, tướng là vật bị vứt bỏ, tướng không có chủ, tướng của mình, tướng tạm dùng, không có tâm trộm, tướng không có tội, đối với vật của người khác tướng của mình mà lấy rời khỏi chỗ cũ, thì không có tội. Nếu chủ vật đòi, phải trả lại; không bồi hoàn thì phạm tội trọng.

Tướng thân thiết như trong luật có nói rằng Phật bảo các Tỳ kheo: - Có năm trường hợp được lấy vật của người thân thiết. Đó là:

- 1- Bạn quen.
- 2- Cùng ăn chung.
- 3- Khéo nói.
- 4- Sống chung.
- 5- Lấy rời vui vẻ.

Bạn quen nghĩa là khi gặp nhau thì vui vẻ.

Cùng ăn chung nghĩa là rất thân thiết không còn tham tiếc với nhau.

Khéo nói là bạn cứ tùy ý sử dụng vật của tôi không cần phải hỏi.

Sống chung từ đây mãi về sau, đến trọn đời cùng dùng chung vật này.

Lấy rời vui vẻ là nghe ta lấy vật ấy, chủ vật sẽ vui vẻ.

Thân thiết mà lấy lại có ba trường hợp.

- 1- Sống thân thiết với nhau, lấy vật của nhau thì vui vẻ.
- 2- Sống cùng ăn chung, lấy vật của nhau thì vui vẻ.
- 3- Nói lấy vật của nhau thì vui vẻ.

Nếu sống thân thiết nhau, lấy vật của nhau thì hoan hỷ. Đó là lấy vật thân hậu.

Nếu đối với vật của tại gia hay xuất gia, trước khi họ lấy thì Tỳ kheo vui vẻ nhưng sau đó vì lý do này nên hối hận cũng không được đoạt lại.

Lại có người quen nhau, tâm không muốn cho nhưng không nói rõ là cho hay không. Sau khi họ lấy vật rồi, chủ vật lại bất mãn thì cũng không được lấy lại.

Lại có người quen nói: Nếu cần, bạn hãy lấy thức ăn của tôi mà dùng. Khi cần, tôi sẽ đến lấy lại.

Sau đó, có việc hiềm khích nhau thì được đến lấy lại.

Mượn dùng là dùng xong thì trả lại cho chủ. Nếu chủ vật nói không cần trả lại nhưng họ cho luôn thì tốt, nếu không cho nên trả lại. Đối với vật của tăng cũng vậy.

Vật của nga-qui (petapariggaha), thứ nhất là bốn thiên vương, cũng thuộc về loại trên. Nếu Tỷ kheo lấy vật của các quý thân thì không có tội. Nếu Thiên Đê-Thích hay Đê-Thích lập cửa hàng buôn bán, Tỷ kheo với thiên nhân thấy biết nên lấy vật ở đó. Dù Đê-Thích có tiếc hay không, Tỷ kheo có trả lại hay không cũng vô tội. Bởi vì đây là vật do biến hóa.

Nếu người đời treo vật vào cây cối, không người quản lý, Tỷ kheo lấy không có tội.

Vật của súc sinh, thứ nhất là long vương, ca-lâu-la... nếu chúng hóa ra hình người thì cũng như trường hợp vật do Đê-Thích biến hóa.

Nếu cạp, sư tử giết và ăn nai hay bò, Tỷ kheo không được đoạt lấy. Vì sao? Nếu cạp, sói nổi giận sẽ giết Tỷ kheo. Sau khi chúng ăn xong, Tỷ kheo đuổi đi thì được lấy ăn. Được thịt, sai tịnh nhân nướng ăn thì vô tội.

Vật phần tào là vật vứt bỏ, có ý này đối với vật thì lấy không có tội. Nếu có chủ đến đòi vật lại, Tỷ kheo phải trả, không trả phạm tội trọng.

Điên cuồng thì trong luật đã nói nhiều. Đầu tiên, khi chưa chế luật thì không phạm. Điên cuồng không bị phạm. Sau đó, nhóm sáu Tỷ kheo đều phạm đầu tiên (padabhājanīyavannāna nīttithā).

Pháp sư nói: - Các vị phải biết rõ rằng nếu xét rõ ra thì giới trộm cấp phát xuất từ tâm, làm ra nghiệp ác và tội trong thế gian, chịu ba cảm thọ bất thiện (samutthāna ca kiriya atha sanna sacctakam, lokavajjan ca kamman ca kusalam vedanā ya ca ti).

Phát xuất là từ thân, ý nghiệp phát sinh hành động tự lấy. Bảo người khác lấy trộm là hành động phát sinh từ khẩu nghiệp. Tự lấy và bảo người là từ cả thân, miệng và ý nghiệp. Hành động là đích thân làm. Tội thế gian là tánh tội. Bất thiện là làm do tâm ác. Ba cảm thọ là khổ, lạc và xả.

Pháp sư nói: - Phần trước đã nói hết về tội Ba-la-dy. Phần tùy chế bắt đầu từ nhóm sáu Tỷ kheo. Những câu dễ hiểu trong luật đã nói, tiếp theo tôi sẽ nói về những câu khó. Tâm kẻ phạm phu luôn tương ứng với dục, chẳng lúc nào rời. Nếu thánh nhân không căn cứ vào thân và miệng mà chỉ kết tội theo (hoạt động) tâm thì không ai có thể giải thoát được. Thế nên thánh nhân chế giới chú trọng vào cả thân và tâm. Do đó, những trường hợp vô tội được nói trong luật là có tâm muốn làm nhưng không hành động bằng thân và miệng, nên gọi là vô tội. Nếu có tâm trộm, phải nghiêm khắc chế phục và phục hồi lại tâm tốt.

Tiếp xúc làm vật bị lay động và rời khỏi chỗ cũ... sự việc này dễ hiểu.

Hỏi: - Ai lấy trộm?

Đáp: - Tôi lấy trộm.

Phật hỏi các Tỳ kheo: - Tâm các ông thế nào?

Đáp: - Theo miệng nói nhưng không có tâm trộm.

(Phật bảo) - Nếu vậy thì vô tội.

Quý nhập là trường hợp thấy từ thi có áo đẹp nên nga quý nhập vào.

Không chấp nhận lời nói nghĩa là nghe nga quý nói rằng ngài đừng lấy áo đẹp của tôi, nhưng Tỳ kheo này vẫn cứ lấy.

Đứng dậy nghĩa là thấy Tỳ kheo đem áo ấy đi, nga quý (mang thầy chết) đứng dậy chạy theo.

Đóng cửa nghĩa là chùa ở gần Thi-lâm nên Tỳ kheo này can đảm, không sợ quý thân vì vậy vào phòng đóng cửa lại.

Ngã ra đất nghĩa là thấy Tỳ kheo đã đóng cửa lại, nga quý nói rằng ta không giữ được áo này. Do đó, nó bỏ từ thi (ngã xuống đất) và ra đi. Thế nên, trong luật có nói câu ngã xuống đất chưa hư nát là chỉ cho từ thi mới chết. Không được lấy áo nơi từ thi mới chết. Ai lấy, phạm Đột-cát-la. Nếu lấy nơi từ thi hư rã thì vô tội.

Hỏi: - Thế nào là hư rã?

Đáp: - Thứ nhất là chỗ rách do chim kên kên... xé nát bằng móng vuốt... cho đến vết xé rách nhỏ như đầu kim thì lấy cũng vô tội. Nếu da chưa bị rách ra thì cũng không cho lấy. Nếu từ thi này đã có vết thương hay vết cháy nát khi còn sống thì tùy theo từng chỗ ấy mà lấy (vô tội). Với thầy chết này đã sinh tương rã thối thì có thể lấy (áo) được. Nếu thầy ấy còn nguyên mà Tỳ kheo muốn lấy thì có thể bảo người giữ thi-lâm lấy cho mình. Nếu không có người giữ thi-lâm thì bảo người khác lấy cho mình cũng được. Nếu không có ai cả, Tỳ kheo có thể dùng dao nhỏ cắt từ thi cho có vết thương rồi lấy. Với từ thi như vậy, Tỳ kheo có thể lấy áo.

Đổi thẻ nghĩa là chúng tăng rút thẻ để phân chia y, Tỳ kheo với tâm trộm đổi thẻ (thuộc phần) tốt của người, phạm tội như đã nói rõ ở trước.

Khi trời tối hay ban ngày, không thấy chủ mà trộm lấy, là giặc nhỏ. Nếu tâm dối trá làm cho họ không bắt trúng thẻ của vật tốt, hoặc dùng màu sắc giả để đổi lấy vật của người, dối trá trước mặt người, đó là giặc lớn.

Với những kẻ có quyền thế, thứ nhất là vua, hoặc bằng sức của mình hay dựa vào kẻ khác mà áp bức người để lấy vật, làm cân nặng hơn, đầu (đong vật) lớn hơn... các vật (theo quy định) như trước đã nói đều thuộc về tội trộm.

Thẻ (parikappa), có hai: một, vật thẻ (Bhandaparikappa); hai, chỗ thẻ (Okasaparikappa).

Vật thẻ nghĩa là có Tỳ kheo muốn trộm y đem vào phòng, nếu được y này thì lấy chứ không lấy các vật khác; gọi là vật thẻ.

Hai, chỗ thẻ nghĩa là nếu Tỳ kheo cầm vật của họ đem đi, tự thẻ rằng ta đến chỗ... ấy sẽ lấy; gọi là chỗ thẻ.

Hết phần trao thẻ.

Pháp sư nói: - Câu văn theo thứ tự đã rõ, không cần giải rộng. Đến gặp chùa hay nhà bị hoang phế không người ở, có cây có trái thì Tỳ kheo phải đánh kiền chùy (để báo mọi người biết), không có kiền chùy, phải vỗ tay ba tiếng, sau đó lấy ăn, không bị tội; không làm như vậy thì bị tội trộm.

Nếu chùa ở ngoài làng xóm bị nạn giặc hay ác thú nên Tỳ kheo chạy vào làng. Đến chùa ấy, thấy có thức ăn và trái cây, nếu Tỳ kheo khách lấy trộm ăn thì bị kết tội tùy theo giá trị của trái ấy. Những câu sau dễ hiểu.

Bắt trộm heo bị trói nghĩa là họ giăng lưới để bẫy bắt heo rừng, với tâm trộm, Tỳ kheo thả heo họ ra, bị kết tội tùy theo giá trị (heo ấy). Nếu thả ra vì lòng từ bi thì vô tội nhưng nên bồi hoàn lại theo giá trị. Với tâm từ, Tỳ kheo đem giá trị của vật cột vào dây (ở chỗ nhốt heo), sau đó mới thả heo đi thì vô tội. Nếu thấy Tỳ kheo đến, heo vùng lên đứt dây và chạy thoát thì Tỳ kheo vô tội. Nếu heo chưa lọt vào bẫy, Tỳ kheo đã đuổi đi thì vô tội. Chó người khác rượt cắn heo rừng, với tâm từ nên Tỳ kheo đuổi chó nên heo chạy đi thì vô tội. Nếu chủ đòi giá trị thì nên bồi hoàn cho họ, không bồi hoàn thì phạm tội. Heo rừng bị bẫy, đã ba bốn ngày không được ăn nên kiệt sức nằm im, Tỳ kheo cho nó ăn với tâm trộm. Sau khi (thấy nó) ăn xong, sức lực đã hồi phục, Tỳ kheo kêu lớn làm cho nó kinh sợ, tung lưới chạy ra, Tỳ kheo phạm tội trọng. Nếu hành động do tâm từ thì không phạm nhưng nên bồi hoàn lại giá trị cho chủ. Thấy heo rừng lọt vào lưới, với tâm trộm nên cắt một phần lưới nhưng chưa rách hẳn, Tỳ kheo kêu lớn làm cho heo kinh sợ tung chạy theo chỗ lưới bị cắt mà ra ngoài, phạm như nói ở trước. Thấy heo rừng bị mắc lưới, với tâm trộm nên Tỳ kheo đặt dao kiếm hoặc đốt lửa gần bẫy lưới, muốn làm cho heo kéo lưới qua dao (cho đứt), hoặc đốt lửa làm cho heo sợ nên chạy ra, phạm tội như nói ở trước. Có người cố đào đất làm hầm, dự định bắt các loài thú như heo, nai, chươg... nếu Tỳ kheo với tâm trộm nên phá hầm và các dụng cụ chính làm cho thú không qua được thì phạm tội trọng. Nếu chúng không qua thì vô tội. Có người đặt bẫy gần chùa để bắt thú, nếu Tỳ kheo nói với họ rằng đừng đặt bẫy gần chùa để bắt thú mà họ không nghe thì nói với chủ đất. Khi được chủ đất đồng ý, Tỳ kheo phá bẫy, không phạm. Nếu người làm ruộng bị nai, chươg phá hoại nên họ giăng lưới để bảo vệ ruộng khi bắt được nai thì họ ăn thịt. Sau khi bảo vệ, chủ lưới có ý bỏ, Tỳ kheo phá hay mở lưới ra, không phạm.

Pháp sư nói: - Các câu sau dễ hiểu, nếu người đặt cái đó bắt cá, Tỳ kheo với tâm trộm nên mở cho ra, kết tội tùy theo giá trị. Nếu trước đã làm cho có đó có lỗ trống, sau đó Tỳ kheo đập nước cho cá sợ chạy ra ngoài thì phạm tội. Nếu cá không chạy ra thì không phạm như trước. Nếu với tâm trộm, lấy cả đó và cá ra khỏi nước, phạm tội tùy theo giá trị. Bỏ thức ăn uống bên ngoài đó để như cá, thấy mỗi nên cá nhảy vọt ra, nếu chủ đòi thì phải bồi hoàn theo giá trị. Nếu đó không có cá, với tâm trộm, Tỳ kheo mở hay phá đó để cá từ trong tự do vào ra, chủ đòi thì Tỳ kheo phải bồi thường, Tỳ kheo đem đó cá của người để qua chỗ khác, phạm hay không phạm như nói ở trước.

Trộm hạt diêm-phù (Jambu) bồn dầu bơ, như nói ở trước. Nếu Tỳ kheo trộm dầu bơ mà giá trị chưa đến một phần (giá trị năm ma-sái) nhưng sau đó hối hận tự nghĩ rằng sau ta không lấy nữa; đến hôm sau lại lấy trộm nhưng chưa đủ một phần nữa, rồi lại hối hận và hứa sẽ không lấy trộm nữa; và cứ như vậy lấy cho đến hết một bồn bơ thì không phạm trọng tội mà bị phạm Đột-cát-la Thu-lan-dá. Lại có Tỳ kheo trộm dầu như vậy, cứ mỗi ngày chỉ lấy một muống, nhưng không có tâm hối hận và lấy cho đủ một phần thì phạm tội trọng.

Hẹn nhau trộm, nhà ăn có hai loại tàn thực, thứ tự như với hạt diêm-phù đã nói ở trước. Phân trái xoài, cựa Tỳ kheo thấy khách Tỳ kheo đến, lại không phân cho trái cây. Tỳ kheo khách hỏi tịnh nhân rằng chúng tôi có được phân không. Nói xong, Tỳ kheo khách tự ý đánh khánh và lấy trái cây phân cho cựa Tỳ kheo và khách đều cùng ăn. Thế nên trong luật có nói rằng: Phật báo các Tỳ kheo: - Từ này về sau, nếu có thức ăn uống

nên phân chia, phân thức ăn không có tội. Nếu có nói với cụ Tỳ kheo ở chùa mình rằng khi có trái cây gặp lúc Tỳ kheo khách đến hãy cùng chia nhau dùng thì không có tội. Nếu để Tỳ kheo khách đi rồi, các Tỳ kheo cụ trú mới chia nhau thức ăn thì gọi là kẻ trộm (cora). Thế nên, Tỳ kheo khách đến, cụ Tỳ kheo nên nói, đánh khánh mời họ cùng ăn trái cây. Nếu cụ Tỳ kheo không làm, Tỳ kheo khách đánh khánh chia nhau ăn, không có tội.

Nếu cụ Tỳ kheo có vườn cây có trái và để chi dùng cho bốn vật dụng thì Tỳ kheo khách không được tự ý đánh khánh để phân chia hoặc mang trái cây ấy đi nơi khác. Cụ Tỳ kheo có vườn cây của tăng mà không bảo quản, bị trộm lấy, nếu chúng tăng cùng nhau qui định không cho tăng ăn thì qui định ấy không có hiệu lực. Nếu tăng có bảo quản thì qui chế ấy mới có hiệu lực.

Nếu thí chủ dâng cho tăng cây ăn trái để dùng cho việc sấm y phục hay thuốc thì tăng không được chia nhau ăn. Nếu thí chủ dâng cây ăn trái với mục đích cúng dường dùng cho bốn vật dụng, Tỳ kheo với tâm trộm xoay về cho tăng chia nhau ăn, bị kết tội tùy theo giá trị.

Tăng đem chi phí mà thí chủ dâng cúng làm phòng ở cho tăng ra chi dụng vào thức ăn, bị tội Thu-lan-dã, phải bồi hoàn lại. Nếu được dâng chi phí để làm ca-sa thì phải làm ca-sa. Gặp lúc đói kém, chúng tăng tác bạch yết-ma vì sự việc thức ăn uống khó có, ba y của chư tăng đã đầy đủ nên đem chi phí làm ca-sa ấy để sung vào thức ăn để tăng được an lạc. Nếu tăng hòa hợp cùng dùng thức ăn ấy thì vô tội. Nếu thí chủ cúng (chi phí làm) ba y mà chúng tăng không có phòng ở thì tác bạch yết-ma để dùng làm phòng ở. Nếu tăng hòa hợp xử dụng (phòng ở ấy) thì vô tội. Nếu thí chủ cúng vật quý để làm phòng ở thì xử dụng vào việc ấy. Nếu gặp lúc đói kém, thức ăn của tăng khan hiếm, hoặc bị bệnh hoặc bị chiến tranh, Tỳ kheo bỏ chùa đi nơi khác, chùa, phòng ở, cây trái không có người quản lý thì được đem vật quý kia để dùng vào việc ăn uống để giữ gìn trú xứ. Nếu trong chùa có nhiều phòng ở, không người tu sửa bị hư nát nên giữ lại cái còn tốt và phá dỡ cái hư xấu để bán đi dùng vào việc ăn uống để bảo hộ trú xứ. Nếu có đàn việt bỏ thí bốn việc cần dùng thì không được đem xử dụng cho việc khác. Nếu đem số giá trị này thuê người để giữ vườn thì sau đó mới được đem ra xử dụng.

Nếu Tỳ kheo đi qua vườn này thấy cây dứa, cây đa-la có trái thì người giữ vườn được phép lấy dâng cho chúng tăng, vì đã sai họ bảo vệ. Lại nữa, người bảo vệ phân cho tăng theo số lượng trái, tăng nên lấy dùng theo số lượng ấy, không được dùng quá phần. Nếu vì chúng tăng, người giữ vườn đổi trái cây lấy y và vật đúng pháp đưa cho tăng thì được nhận. Có nhiều trái thì đem cho người bảo vệ cũng tốt. Nếu thí chủ dâng khu vườn để dùng vào chi phí hoa hương, đèn cúng dường tháp tượng và tu sửa phòng tăng thì được lấy một ít chi phí để thuê người giữ. Nếu không có vật của Phật thì được phép đem vật cúng Phật để trả công người giữ. Nếu không có vật của Phật thì được dùng vật của tăng để trả cho người giữ vườn. Nếu người giữ vườn bán trái cây trong vườn thì như nói ở trước. Đối với trái xoài chín, Phật bảo các Tỳ kheo rằng: Được phép nhận người giữ vườn dâng cúng.

Pháp sư nói: - Nếu bảo vệ thì tốt, không bảo vệ thì không tốt.

Đại đức Tu-Ma-Na nói: - Nếu hằng ngày, người giữ vườn dâng trái cây cho tăng nên dâng theo hạn định (trái cây để thuê họ) thì tốt, quá hạn thì không tốt.

Đại đức Ba-Đầu-Ma nói: - Người giữ vườn không có giấy ghi chép thì được tùy ý dâng trái cây nhiều ít đến tăng dùng. Lại nữa, nếu có trẻ trong xóm trông coi vườn cây cho tăng mà chúng dâng trái cây đến chư tăng thì chúng được dùng. Nếu chúng tự ý lấy trái cây thì không được ăn trái cây của tăng hay của Phật. Nếu trước đó có người đặt cọc một ít chi phí để mua trái cây trong vườn nhưng người giữ vườn vẫn đem trái cây dâng

thì tặng được dùng. Nếu tặng dùng trái cây để thuê người giữ vườn, người này được đem phần trái của mình dâng cho tặng, không được dâng phần không phải của mình. Chúng tặng có nhiều cây ăn trái nhưng chỉ thuê người giữ một cây, chỉ có trái (dùng để thuê) của cây ấy là được dâng cho Tỳ kheo chứ không được lấy trái cây khác của tặng (mà tự ý dâng).

Cây gỗ, mọn dùng thì vô tội. Đối với gỗ của chúng tặng dự định làm nhà thuyết giới, nhà ăn... nếu có thừa với chúng tặng thì được phép mọn dùng. Nếu gỗ và đồ bằng gỗ của tặng để ngoài sương gió mưa nắng không che đậy, bị hư nát thì được phép lấy làm phòng. Nếu sau đó tặng đòi lại giá trị gỗ hay đồ gỗ ấy thì nên bồi hoàn lại theo số đã dùng. Nếu không có vật hay gỗ để bồi hoàn, vị ấy có thể nói rằng vật của chúng tặng thì tặng tùy ý lấy lại để xử dụng. Nếu làm phòng ở mà thiếu cửa sổ, cần phải mọn gỗ của tặng (sau này) phải trả lại đủ, đối với các vật dụng bằng gỗ khác cũng vậy.

Về nước, khi khan hiếm nước, chúng tặng phải tự lấy nước xa nữa hay một, hai do tuần. Với nước quý như vậy mà lấy trộm thì bị kết tội tùy theo giá trị. Nếu lấy một hai vô đề tưới cây Bồ đề và tắm rửa hay làm nước nhuộm thì được. Nếu tặng có quy định không cho lấy, Tỳ kheo nào có lấy trộm mà không lấy được nên đem đất ném vào trong nước, bị kết tội tùy theo giá trị. Cựu Tỳ kheo qui định nghiêm ngặt không cho người khác tắm giặt nấu nhuộm. Khi họ không thấy có người khác nên trộm lấy dùng. Tỳ kheo khách thấy cựu Tỳ kheo đã dùng thì dùng theo, vô tội.

Tặng có ba cái ao là ao dùng để ăn uống, ao dùng để tắm và ao dùng vào các chuyện khác, qui định không cho dùng lẫn lộn. Như vậy, Tỳ kheo khách phải tuân theo quy chế này, không được dùng lẫn lộn. Nếu tặng không có quy định thì được dùng tùy tiện.

Gặp chỗ thiếu đất, chúng tặng phải vận chuyển đất để dùng, Tỳ kheo lấy trộm một phần thì phạm tội trọng. Tặng thì được phép lấy dùng. Sau khi sửa sang chỗ Phật và phòng tặng xong, nếu cần dùng đất thì Tỳ kheo thừa với tặng và được phép lấy dùng. Nếu không thừa thì trao đổi dùng cũng được. Đối với đá, than cũng vậy. Đối với cỏ tranh, ai đốt cỏ tranh mà không đem ra khỏi chỗ cũ thì phạm tội Đột-cát-la và phải bồi hoàn lại theo giá trị cũ. Đối với ruộng cỏ tranh của chúng tặng quản lý dùng để che nhà ở mà không người bảo vệ, có Tỳ kheo khác muốn bảo vệ thì được phép dùng nhưng vẫn là ruộng của tặng. Tỳ kheo đang dùng ruộng cỏ tranh này của tặng mà bỏ đi, ruộng bị cháy, chúng tặng cũng không trách hỏi. Nếu Tỳ kheo này đến xin chúng tặng phân cho, nên phân cho họ. Nếu đã phân và sai giữ gìn, Tỳ kheo này lại xin thêm, chúng tặng nên cho thêm. Nếu tặng không dùng thì người khác được xử dụng tùy ý. Nếu chúng tặng giao cỏ tranh, gốc cây cho người trông nom rồi mà muốn dùng thì nên nói với người giữ rằng không cần phải trông nom nữa mà để cho tặng.

Thứ nhất là giường... có bảy việc dễ hiểu. Đối với trụ đá, trụ gỗ, các loại trụ... Tỳ kheo nào lấy trộm, bị tội tùy theo giá trị.

Thứ nhất là đối với phòng hành thiền mà chúng tặng không có người bảo quản nên tường vách hư hoại, Tỳ kheo nào lấy trộm các loại cột và vật dụng bằng gỗ, bị kết tội tùy theo giá trị vì đó là vật của tặng dù trong lúc có tặng ở hay không.

Trong chỗ hoang dã có giặc nổi lên, chúng tặng bỏ chùa đi tránh nạn thì cũng như nói ở trước, mọn dùng (những vật như trên) không có tội. Nếu Tỳ kheo ấy bỏ đi hoặc qua đời thì nên trả lại những vật đã mọn lại cho tặng. Đối với những vật nhỏ mọn dùng trong chùa cũng dễ hiểu. Tỳ kheo nào mọn giường, ghế, chăn, màn của tặng, nếu thấy thượng tọa khách đến nên đưa cho vị ấy. Nếu các vật ấy bị mất hay hư hoại thì không phải bồi thường. Nếu đi đến nơi khác thì gửi lại cho tặng. Nếu xử dụng riêng mà đưa cho thượng tọa thì mất phải bồi thường. Nếu Tỳ kheo này mọn các vật trên của chùa

khác, khi sắp lại có Tỳ kheo khác mượn lại, nên bảo họ: Tôi muốn trả những vật này lại cho chùa kia. Tỳ kheo kia nói: Hãy để lại đó, tôi sẽ đưa sang (trả cho họ).

Nếu làm mất thì người mượn phải bồi thường.

Trong nước Chiêm-ba (Campà). Bắt đầu với ba loại cháo, mè, đậu, gạo hoặc cùng với bơ, sữa, lạc, đường cát, mật.

Trong thành Vương xá là canh ngon và cháo đậu.

Pháp sư nói: - Theo thứ tự dễ hiểu. Kiệt-thọ-ca (ajjuka) là một loại trái cây.

Bị giặc ở nước Ba-la-nại chiếm đoạt mang đi, Tỳ kheo này dùng thần thông quán sát nhà thí chủ, thấy em bé con thí chủ bị giặc bắt nên dùng thần thông đến đoạt lại thì không phạm.

Dùng năng lực thần thông (iddhi) như thế nào?

Tỳ kheo dùng thần thông làm cho em bé thấy căn nhà của mình nên đi vào mà giặc lại không thấy em bé và căn nhà do biến hóa này nên em bé được thoát.

Pháp sư nói: - Hai việc này dễ hiểu. Hết phần giải thích về Ba-la-dy 2 của luật Thiện Kiến (Samatapāsādikaya vivayasamvannāya dutiyaparājikavannanā).

*Về pháp tịnh thứ ba
Chư Phật dạy thật rõ
Gọi là Ba-la-dy
Sau đây sẽ nói rộng
Chúng ta hãy lắng nghe.*

Khi ấy, đức Phật ở giảng đường lâu cao, rừng Đại-lâm, Tỳ-xá-ly (Vesālī Mahāvana).

Tỳ-xá-ly là tên nước, do người nữ (Itthilinga) nên có tên này. Thành này nhân dân đông đúc, đã ba lần mở rộng.

Pháp sư nói: - Tôi sẽ nói về nguồn gốc của thành Tỳ-xá-ly. Ngày xưa, đại phu nhân của vua nước Ba-la-nại có thai. Biết mình có thai nên phu nhân này tắm lên vua. Nhà vua liền sai người phục vụ hầu hạ theo ý thích của bà ấy. Đến ngày sinh, phu nhân vào phòng sinh. Nếu người có phúc đức thì sinh vào buổi sáng sớm, cũng vậy vào sáng sớm, phu nhân sinh được một cục thịt đỏ như hoa cần (mộc-cần) và vị phu nhân khác thì sinh con màu hoàng kim. Thấy phu nhân kia sinh con xinh đẹp kỳ lạ nên phu nhân này rất xấu hổ và suy nghĩ: Nếu thấy con của phu nhân khác xinh đẹp mà ta chỉ sinh một cục thịt không có tay chân thì chắc nhà vua phải khinh ghét. Sau khi nghĩ như vậy, phu nhân này bỏ cục thịt ấy vào cái vò và đập lại bằng tấm vàng mỏng có ghi chữ bằng chu sa rằng đây là vật do phu nhân vua nước Ba-la-nại sinh ra, rồi đóng ấn vua vào, bọc bên ngoài bằng vàng lá có ghi rõ rồi sai người thả xuống sông.

Được quý thần hộ nên cái vò ấy không bị sóng gió làm chìm. Bấy giờ, có một đạo sĩ sống nhờ vào người chăn nuôi bò ở ven sông. Vào sáng sớm, ra sông tắm rửa, trông thấy cái vò này, đạo sĩ suy nghĩ rằng ta nên lấy cái vò này. Khi cái vò trôi đến gần, đạo sĩ nhặt lấy và thấy có chữ ghi rõ trên tấm vàng cùng dấu ấn của vua nên mở ra xem. Thấy bên trong có cục thịt, ông ta suy nghĩ: Cục thịt này đã lâu mà không hôi thúi, tất có sự lạ. Ông ta đem cái vò về chỗ ở và cẩn thận để qua một nơi. Nửa tháng sau, cục thịt này tách thành hai mảnh. Thấy hiện tượng lạ như vậy, ông ta đặt chung vào nơi đàng hoàng. Nửa tháng sau, hai mảnh thịt này đều sinh ra năm nhánh thịt. Nửa tháng

sau đó, một mảnh thịt trở thành bé trai màu hoàng kim và mảnh kia trở thành bé gái màu bạch ngân. Thấy như vậy, đạo sĩ rất yêu mến xem như con của mình. Do năng lực của tâm từ nên từ hai ngón tay cái của đạo sĩ chảy ra sữa; một ngón cho bé trai, ngón kia cho bé gái. Sữa chảy vào bụng hai trẻ như nước trong chảy vào ngọc ma ni trong ngoài trong suốt. Đạo sĩ đặt tên cho chúng là Ly-Xa-Từ (nghĩa là đồng da). Nuôi hai trẻ này, đạo sĩ rất cực khổ, hằng ngày phải vào làng xóm khất thực cho cả mình và ha trẻ, xế chiều mới về.

Thấy đạo sĩ này quá khổ cực vì hai đứa bé, người chăn nuôi bò đến thưa: - Đại đức! Người xuất gia chỉ nên hành đạo, sao lại vì hai đứa bé này mà bỏ phế việc tu tập, xin giao chúng cho tôi nuôi.

Đạo sĩ nói: - Lành thay!

Sau đó, họ trở về. Sáng hôm sau, những người chăn nuôi bò cùng đồng bạn sửa sang đường sá, treo cờ phướn, rải hoa, đánh trống đi đến chỗ đạo sĩ để đón hai đứa bé.

Đến nơi, họ thưa với đạo sĩ: - Đã đến lúc chúng tôi đưa hai đứa bé này đi.

Đạo sĩ đáp: - Tốt.

Đạo sĩ lại gửi gắm nói: - Hai đứa bé này có phúc đức vô cùng, các vị hãy chăm sóc cho kỹ lưỡng, nên nuôi dưỡng bằng sữa, lạc, sinh, thực, tồ. Nếu hai em bé này khôn lớn, hãy cho lấy nhau, tìm vùng đất bằng phẳng tốt, rộng mà định cư, tôn bé trai làm vua, bé gái làm phu nhân.

Sau khi ghi nhận lời dạy của đạo sĩ, những người chăn nuôi bò cùng kéo nhau về chỗ ở. Hai đứa bé dần dần lớn lên, cùng với con của những người chăn nuôi bò đi ra ngoài chơi đùa. Gặp lúc hai đứa trẻ này đạp phải chân của các trẻ kia làm cho chúng khóc lóc và thưa với cha mẹ chúng rằng hai đứa trẻ không cha mẹ ấy đạp vào chân chúng con.

Cha mẹ đáp: - Các con hãy tránh đi.

Do đó, chỗ vui đùa này gọi là Bạt-xà nghĩa là tránh đi. Đến năm cả hai đều 16 tuổi, những người chăn nuôi bò thấy chúng đã lớn và thấy vùng đất ấy bằng phẳng rộng đến 100 do-tuần nên xây dựng nhà cửa ở trung tâm. Họ tổ chức cho cậu trai và cô gái kia làm chồng vợ; đồng thời tôn chồng làm vua, vợ làm phu nhân. Sau đó, vị phu nhân này có thai và sinh đôi, một nam, một nữ; như vậy sinh cho đến 16 lần. Những người chăn bò thấy số vương tử tăng nhiều nên xây dựng thêm nhà cửa và các ao nước vây quanh cho 32 người ở. Cứ lần lượt như vậy, mở rộng khu vực đến gấp ba lần nên được gọi là Tỷ-xá-ly. Đây là khởi nguyên của thành phố này.

Giảng đường có lầu cao trong rừng Đại-lâm. Rừng này không có người trồng mà cây mọc tự nhiên từ thành Ca-duy-la-vệ cho đến Tuyết-son nên gọi là Đại-lâm.

Giảng đường có lầu cao (Kūtāgārasāla), hình chim nhận (ha savattaka), được xây dựng trong rừng Đại-lâm với đầy đủ tiện nghi dâng cho Phật.

(Xin xem tiếp Phần 10.b)

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 10-02-2001